Số: 1014/QĐ-UBND
Thời gian ký: 29/04/2021 17:23:06 +07:00

Phụ lục II

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2021 CỦA HUYỆN KRÔNG BÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				Thị trấn Krông Kmar	Xã Dang Kang	Xã Cư KTy	Xã Hòa Thành	Xã Hòa Tân	Xã Hòa Phong	Xã Hòa Lễ	Xã Yang Reh	Xã Ea Trul	Xã Khuê Ngọc Điền	Xã Cư Pui	Xã Hòa Sơn	Xã Cư Drăm	Xã Yang Mao
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(…)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	Tổng diện tích phải thu hồi		**278,17**	**14,26**	**5,61**		**20,50**	**5,20**	**0,67**	**0,01**		**0,36**	**5,20**	**143,91**	**5,30**	**2,14**	**75,00**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**225,11**	**10,74**	**5,61**		**20,50**	**5,20**	**0,67**	**0,01**		**0,36**	**5,20**	**121,38**	**5,30**	**2,14**	**48,00**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	28,50	7,17	0,20		6,78					0,02		12,16	0,04	2,13	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*16,34*	*7,17*	*0,20*		*6,78*					*0,02*			*0,04*	*2,13*	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	54,11	2,85								0,33		41,92	0,01		9,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	75,42	0,72	5,41		13,60	5,20	0,67	0,01		0,01	5,20	25,34	5,25	0,01	14,00
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	38,00											38,00			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	25,00														25,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3,96											3,96			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,12				0,12										
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**53,06**	**3,53**										**22,53**			**27,00**
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,002	0,002													
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã	DHT	20,66	0,36										1,30			19,00
-	*Đất giao thông*	*DGT*	*20,55*	*0,25*										*1,30*			*19,00*
-	*Đất thuỷ lợi*	*DTL*	*0,11*	*0,11*													
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	8,00														8,00
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	0,15	0,15													
2.5	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,23											0,23			
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	21,00											21,00			
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	3,02	3,02													